

TRUNG TÂM XÃ LÝ NHƠN

BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH Y TẾ

STT	Ký hiệu	Tên công trình	Diện tích (ha)	
14	H. Bình Chánh		78,41	
	YT-85.02	Bệnh viện Huyện Bình Chánh	4,31	
	YT-85.03	Bệnh Viện Đa khoa Quốc Tế Nam Sài Gòn	0,76	
	YT-85.04	Quy hoạch	2,38	
	YT-85.05	Quy hoạch	10,01	
	YT-85.07	Quy hoạch	1,56	
	YT-85.08	Quy hoạch	1,12	
	YT-85.09	Bệnh viện Tâm thần	2,77	
	YT-85.31	Đề xuất mới	4,07	
	YT-18.18	Đề xuất mới	3,86	
	YT-18.19	Đề xuất mới	5,05	
	YT-18.20	Đề xuất mới	3,66	
	YT-18.21	Đề xuất mới	3,88	
	YT-18.22	Đề xuất mới	5,13	
	YT-18.31	Đề xuất mới	3,50	
	YT-18.32	Đề xuất mới	3,45	
	YT-18.33	Đề xuất mới	4,22	
	YT-18.34	Đề xuất mới	4,02	
	YT-18.35	Đề xuất mới	3,70	
	YT-18.37	Đề xuất mới	3,50	
15	YT-18.38	Đề xuất mới	3,72	
	YT-18.39	Đề xuất mới	3,76	
	Quận 12		11,30	
	YT-61.01	Bệnh viện Quận 12	2,86	
	YT-61.02	TYT Quận 12	0,69	
	YT-61.03	Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Sài Gòn	0,16	
	YT-61.04	Bệnh viện đa khoa Hồng Đức II	1,75	
	YT-61.05	Quy hoạch	3,85	
	16	Quận Gò Vấp		2,54
	YT-64.02	TYT Quận Gò Vấp	0,96	
	YT-64.03	Bệnh viện đa khoa Hồng Đức III	0,78	
	YT-64.04	Bệnh viện Quận Gò Vấp	1,39	
	17	Quận Bình Thạnh		0,69
	YT-65.03	Bệnh viện Quận Bình Thạnh	0,54	
	YT-65.05	TYT Quận Bình Thạnh	0,15	
	18	Quận Phú Nhuận		2,44
	YT-68.02	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	0,23	
	YT-68.03	Viện Y Dược Học Dân Tộc	1,36	
	YT-68.04	Bệnh viện Sài Gòn - ITQ Phú Nhuận	0,15	
	YT-68.05	TYT Quận Phú Nhuận	0,05	
YT-68.06	Bệnh viện Đa khoa An Sinh	0,49		
YT-68.07	Bệnh viện Đa học Y Dược - cơ sở 3	0,15		
19	Quận Tân Bình		0,84	
	YT-66.03	Bệnh viện Quốc tế Chấn thương chỉnh hình Sài Gòn-ITQ	0,05	
	YT-66.04	Bệnh viện Đa khoa Tân Bình	0,67	
	YT-66.05	TYT Quận Tân Bình	0,09	
	YT-66.08	TYT Dự Phòng	0,05	
	20	H. Hóc Môn		46,38
	YT-84-01	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn		
	TYT huyện Hóc Môn		4,89	
	YT-84.02	Quy hoạch	1,97	
	YT-84.03	Quy hoạch	6,05	
	YT-18.10	Đề xuất mới	3,67	
	YT-18.11	Đề xuất mới	4,97	
	YT-18.12	Đề xuất mới	4,23	
	YT-18.13	Đề xuất mới	3,73	
	YT-18.14	Đề xuất mới	5,42	
	YT-18.15	Đề xuất mới	4,73	
	YT-18.16	Đề xuất mới	3,77	
	YT-18.38	Đề xuất mới	4,96	
	21	H. Củ Chi		79,05
		YT-83.01	Bệnh viện Huyện Củ Chi	3,28
YT-83.02		Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi	1,84	
YT-83.03		Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi (xây mới)	6,90	
YT-83.04		Bệnh Viện Đa khoa Xuyên Á	3,82	
YT-83.05		TYT Tân Quy	0,93	
YT-83.06		Quy hoạch	2,80	
YT-83.08		Quy hoạch	3,86	
YT-83.09		Quy hoạch	2,07	
YT-18.1		Đề xuất mới	4,11	
YT-18.2		Đề xuất mới	4,12	
YT-18.3		Đề xuất mới	5,80	
YT-18.4		Đề xuất mới	3,80	
YT-18.5		Đề xuất mới	3,57	
YT-18.6		Đề xuất mới	3,22	
YT-18.7		Đề xuất mới	4,84	
YT-18.8		Đề xuất mới	3,50	
YT-18.9		Đề xuất mới	3,61	
YT-18.43		Đề xuất mới	3,52	
YT-18.41		Đề xuất mới	4,44	
22	Tp. Thủ Đức		120,40	
	YT-1		1,30	
	YT-2		5,50	
	YT-3		5,80	
	YT-5		1,10	
	YT-6		1,50	
	YT-7		2,80	
	YT-8		1,22	
	YT-9		0,90	
	YT-10		2,00	
	YT-11		0,90	
	YT-12		1,60	
	YT-13		2,70	
	YT-14		5,00	
	YT-15		2,90	
	YT-16		0,80	
	YT-17		5,30	
	YT-18		7,50	
	YT-19		2,50	
	23	YT-20		10,10
YT-21			4,60	
YT-22			10,10	
YT-23			3,60	
YT-24			0,50	
YT-25			4,20	
YT-26			0,80	
YT-27			7,70	
YT-28			8,40	
YT-29			4,60	
YT-30			0,80	
YT-31			0,80	
YT-32			2,60	
YT-33			0,10	
YT-34			10,50	
III			Công trình bệnh viện trong các khu đồng lập	16,03
1		Khu DL số 5		5,85
		2	Khu DL số 17	Bệnh viện đa khoa trong khu đô thị dịch vụ và CNC gần với công viên trung tâm quận 12 - Hóc Môn

BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH Y TẾ

DANH SÁCH CÁC CÔNG TRÌNH Y TẾ			
STT	Ký hiệu	Tên công trình	Diện tích (ha)
I		Tổng	677,05
		Công trình phục vụ cấp quốc gia, cấp vùng (bệnh viện trung ương, bệnh viện trực thuộc bộ ngành và các Bệnh viện chuyên khoa phục vụ cấp vùng)	158,33
		Quận 1	
	YF-60.03	Bệnh viện Nhi Đồng 2	8,61
	YF-60.04	Bệnh viện Từ Dũ	2,34
	YF-60.08	Viện nghiên cứu thuốc TP HCM	0,35
		Quận 3	
	YF-70.01	Bệnh viện Đa khoa tổng hợp tỉnh TP HCM	0,53
	YF-70.04	Bệnh viện Y học Cổ Truyền	0,62
	YF-70.09	Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh TP HCM	0,11
		Quận 10	
	YF-71.01	Bệnh viện Daksho Bưu Điện I và PCHN Bưu Điện	1,38
	YF-71.03	Bệnh viện Nhi Đồng 1	3,11
	YF-71.04	Viện Tim	1,81
	YF-71.05	Bệnh viện Nhân Dân 115 (khoa khám BHYT)	0,13
	YF-71.06	Bệnh viện Nhân Dân 115	2,83
		Quận 5	
	YF-74.01	Bệnh viện 30 tháng 4	1,43
	YF-74.05	Bệnh viện Quận Y7A	1,25
	YF-74.08	Trung tâm giám định học tập HCM	0,01
	YF-74.11	Bệnh viện Chợ Rẫy	5,36
	YF-74.12	Bệnh viện Răng Hàm Mắc TW	1,29
	YF-74.13	Bệnh viện Đa học Y Dược TP HCM (cơ sở 2)	0,86
	YF-74.15	Trung tâm pháy y tâm thần khu vực TP HCM	0,01
	YF-74.16	Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	4,25
YF-74.22	Bệnh viện Đa học Y Dược TP HCM (trụ sở chính)	0,43	
	Quận 8		
YF-75.01	Bệnh viện Phẫu thuật chức năng - điều trị bệnh nghề nghiệp	2,73	
YF-75.04	Viện vệ sinh Y tế công cộng TP HCM Chí Minh Phần viện Pháp y Quốc gia TP HCM	4,40	
	Quận Gò Vấp		
YF-61.01	Bệnh viện Quận Y175	19,81	
	Quận Bình Thạnh		
YF-65.01	Bệnh viện Ung Bướu TP HCM	0,45	
YF-65.02	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	3,66	
	Quận Tân Bình		
YF-65.01	Bệnh viện Thống Nhất	4,38	
YF-65.02	Bệnh viện 1A (Bệnh viện Chính hình & PCHN)	1,88	
	Quận Phú Nhuận		
YF-68.07	Bệnh viện Đa học Y dược TP HCM (cơ sở 3)	0,17	
	TP Thủ Đức		
YF-25	Bệnh viện Quận Bình y Miền Đông	4,20	
	Huyện Bình Chánh		
YF-85.06	Bệnh viện nhi tiết Trung ương quy hoạch	11,17	
YF-85.01	Y tế Tân Kiên	68,75	
II		Công trình phục vụ cấp đô thị	502,69
1		Quận 1	1,79
	YF-61.01	Bệnh viện Quận 1	0,17
	YF-61.02	Bệnh viện Daksho Sài Gòn	0,54
	YF-60.05	Bệnh viện Truyền Máu Huyết Học (cơ sở đang xin điều chuyển)	0,55
	YF-60.06	Bệnh viện Răng Hàm Mắc TP HCM	0,36
	YF-60.07	Bệnh viện thẩm mỹ Hân Quốc Vỹ	0,08
	YF-60.09	Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Sài Gòn	0,09
		Quận 3	7,23
	YF-70.02	Bệnh viện Quận 3	0,21
	YF-70.03	Bệnh viện Tai Mũi Họng	0,28
	YF-70.05	Bệnh viện Bận	1,27
	YF-70.06	Bệnh viện Mắc (khu khám bệnh và phẫu thuật)	0,03
	YF-70.07	Bệnh viện Mắc	1,79
	YF-70.18	Bệnh viện Đa Liễu	1,21
	YF-70.11	Viện Paster	2,42
		Quận 4	0,51
	YF-73.02	T.T. y tế dự phòng Quận 4	0,25
	YF-73.03	Quy hoạch	0,26
		Quận 7	6,46
	YF-78.01	Bệnh viện Daksho Tân Hưng	0,20
	YF-78.02	Bệnh viện Daksho Phương Nam	0,50
	YF-78.03	Bệnh viện Vệ Phẩu y Tâm Tâm Đức	4,00
	YF-78.04	Bệnh viện Quận 7 và TT y tế dự phòng	1,76
		Quận 10	3,50
	YF-71.02	Bệnh viện Trung Vương	3,14
YF-71.08	Bệnh viện đa khoa Vạn Hạnh	0,13	
YF-71.09	Bệnh viện Bình Dân	0,24	
	Huyện Nhà Bè	8,17	
YF-86.01	Bệnh viện Huyện Nhà Bè	3,00	
YF-86.02	Quy hoạch	0,65	
YF-86.03	Quy hoạch	1,45	
YF-86.04	Quy hoạch	2,20	
YF-86.05	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	0,77	
YF-86.06	Khu y tế văn - thể thao quy hoạch	4,28	
YF-86.07	Quy hoạch	2,52	
YF-86.09	Quy hoạch	1,14	
YF-M-23	Đề xuất mới	4,33	
YF-M-24	Đề xuất mới	4,42	
YF-M-25	Đề xuất mới	4,54	
YF-M-27	Đề xuất mới	3,84	
YF-M-28	Đề xuất mới	5,02	
YF-M-40	Đề xuất mới	3,61	
7		Huyện Cần Giuộc	18,75
	YF-87.01	Bệnh viện Cần Giuộc	5,88
	YF-M-29	Đề xuất mới	5,34
	YF-M-30	Đề xuất mới	4,03
	YF-M-42	Đề xuất mới	3,50
		Quận 5	13,06
	YF-74.02	Bệnh viện Nguyễn Trãi	2,06
	YF-74.03	Bệnh viện Nguyễn Trĩ Phương	1,69
	YF-74.04	Bệnh viện An Bình	1,45
	YF-74.05	Bệnh viện Quận 5	0,20
	YF-74.10	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	
	YF-74.10	Bệnh viện Truyền Máu Huyết Học (Chỉ nhận Ngân hàng máu - ngân hàng tế bào gốc)	4,86
	YF-74.14	Bệnh viện Hùng Vương	1,33
	YF-74.17	Bệnh viện Chiến thắng Chính Hình	0,35
	YF-74.18	Bệnh viện Tân thiện	0,17
	YF-74.21	Quy hoạch	0,74
		Quận 6	2,98
	YF-75.01	Bệnh viện Quận 6	0,50
	YF-75.02	Trung tâm y tế dự phòng Quận 6	0,28
	YF-75.03	Quy hoạch	2,21
		Quận 8	8,55
	YF-76.02	Viện điều dưỡng	4,06
	YF-76.03	Bệnh viện Quận 8	0,99
	YF-76.05	TT Y tế dự phòng Quận 8	0,27
	YF-76.07	Quy hoạch	0,52
YF-76.08	Quy hoạch	2,71	
	Quận 11	1,09	
YF-72.01	Bệnh viện Quận 11	0,70	
YF-72.02	Nhà vinh biếu	0,09	
YF-72.03	Trung tâm kiểm tra sức khỏe Chợ Rẫy - Viện - Nhắc	0,06	
YF-72.04	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	21,95	
	Quận Bình Tân		
YF-77.01	Bệnh viện Quận Bình Tân	1,33	
YF-77.02	Bệnh viện Triều An	1,30	
YF-77.04	Bệnh viện quốc tế City	18,48	
	Bệnh viện Gia Sin 115		
YF-77.05	Trung tâm y tế Quận Bình Tân	0,44	
	Quận Tân Phú	1,01	
YF-67.01	Bệnh viện Quận Tân Phú	0,85	
YF-67.02	Bệnh viện Chuyên khoa Ngoại thần kinh Quốc tế	0,15	

BỘ XÂY DỰNG
THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH
Số: 03.../BXD
Ngày 01...tháng 4...năm 2026

